

**TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC**



**GIÁO TRÌNH**  
**MÔN HỌC: KỸ THUẬT LÁI XE**  
**NGÀNH: CÔNG NGHỆ Ô TÔ**  
**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBXL ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc)*

**Đồng Nai, năm 2021**

*(Lưu hành nội bộ)*

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

Môn học Kỹ Thuật Lái Xe được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để lái xe an toàn và hiệu quả. Môn học này không chỉ giúp bạn hiểu rõ về luật lệ giao thông, mà còn hướng dẫn các kỹ thuật lái xe cơ bản và nâng cao, giúp bạn tự tin hơn khi tham gia giao thông.

Kỹ thuật lái xe là một môn học quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để điều khiển xe an toàn và hiệu quả. Việc nắm vững kỹ thuật lái xe không chỉ giúp người lái tự tin hơn trên mọi hành trình mà còn góp phần giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông. Trong môn học này, học viên sẽ được hướng dẫn về cách kiểm soát tốc độ, xử lý các tình huống khẩn cấp, và duy trì khoảng cách an toàn với các phương tiện khác.

Ngoài ra, kỹ thuật lái xe còn bao gồm việc hiểu biết và tuân thủ luật giao thông, cách sử dụng hợp lý các thiết bị an toàn như dây đai an toàn, túi khí, và hệ thống phanh ABS. Học viên cũng sẽ được thực hành các kỹ năng quan trọng như lái xe trên đường cao tốc, đỗ xe trong các không gian hẹp, và lái xe trong điều kiện thời tiết xấu. Việc thường xuyên thực hành và nắm vững các kỹ thuật này sẽ giúp người lái phản ứng nhanh và chính xác trong mọi tình huống, đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

Bài viết này sẽ giới thiệu chi tiết về chương trình học môn kỹ thuật lái xe, từ các bài học lý thuyết đến các buổi thực hành thực tế. Qua đó, người học sẽ có cái nhìn toàn diện về những kỹ năng cần thiết để trở thành một người lái xe an toàn và tự tin. Tham gia học và rèn luyện kỹ thuật lái xe không chỉ là một yêu cầu bắt buộc mà còn là một bước đầu tư quan trọng cho sự an toàn và an tâm trên mọi cung đường.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình kỹ thuật lái xe*** dành riêng cho người học trình độ trung cấp và Cao đẳng.

Nội dung của giáo trình bao gồm các Bài sau:

**Bài 1: Luật giao thông đường bộ**

**Bài 2: Công tác kiểm tra xe an toàn**

**Bài 3: Thao tác tay lái và tay số**

**Bài 3: Thao tác điều khiển ly hợp, chân ga, chân phanh và phanh tay**

**Bài 4: Thực hành lái xe đi thẳng**

**Bài 5: Thực hành lái xe rẽ và quay đầu**

**Bài 7: Thực hành lái xe đi lùi**

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

*Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021*

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
2. ThS. Trần Thế Liên
3. ThS. Nguyễn Hoàng Luân
4. Ks. Nguyễn Đào Vũ
5. Th.S. Nguyễn Đức Quý

## MỤC LỤC

|                                                                                  |           |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>LỜI GIỚI THIỆU .....</b>                                                      | <b>2</b>  |
| <b>MỤC LỤC.....</b>                                                              | <b>4</b>  |
| <b>GIÁO TRÌNH MÔN HỌC .....</b>                                                  | <b>5</b>  |
| <b>BÀI 1: LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ .....</b>                                     | <b>12</b> |
| <b>BÀI 2: CÔNG TÁC KIỂM TRA XE AN TOÀN.....</b>                                  | <b>17</b> |
| <b>BÀI 3: THAO TÁC TAY LÁI VÀ TAY SỐ .....</b>                                   | <b>22</b> |
| <b>BÀI 4: THAO TÁC ĐIỀU KHIỂN LY HỢP, CHÂN GA, CHÂN PHANH VÀ PHANH TAY .....</b> | <b>27</b> |
| <b>BÀI 5: THỰC HÀNH LÁI XE ĐI THẲNG.....</b>                                     | <b>32</b> |
| <b>BÀI 6: THỰC HÀNH LÁI XE RẼ VÀ QUAY ĐẦU.....</b>                               | <b>36</b> |
| <b>BÀI 7: THỰC HÀNH LÁI XE ĐI LÙI.....</b>                                       | <b>41</b> |

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

### 1. Tên môn học: KỸ THUẬT LÁI XE

### 2. Mã môn học: MĐ12

### 3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

**3.1. Vị trí:** Giáo trình dành cho người học trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc.

**3.2. Tính chất:** Là mô đun chuyên môn nghề.  
**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Công nghệ ô tô. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức thuộc lĩnh vực kỹ thuật lái xe: Nắm vững luật giao thông đường bộ; nắm vững các tình trạng của xe trước khi vận hành; nắm vững các kiến thức cơ bản về lái xe; biết tiếng Anh cơ bản và nhóm từ kỹ thuật; hiểu biết về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

### 4. Mục tiêu của môn học:

#### 4.1. Về kiến thức:

- A1. Nắm vững luật giao thông đường bộ
- A2. Nắm vững các tình trạng của xe trước khi vận hành
- A3. Nắm vững các kiến thức cơ bản về lái xe
- A4. Biết tiếng Anh cơ bản và nhóm từ kỹ thuật.
- A5. Hiểu biết về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

#### 4.2. Về kỹ năng:

- B1. Thao tác lái xe trong xưởng sửa chữa
- B2. Thao tác lái xe trong hình và đường trường
- B3. Kiểm tra xe đúng kỹ thuật
- B4. Xác định chính xác tình trạng kỹ thuật của xe trước khi vận hành.

#### 4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- C1. Bảo đảm an toàn lao động cho người và xe
- C2. Giữ gìn vệ sinh công nghiệp
- C3. Cẩn thận trong khi sử dụng xe và dụng cụ
- C4. Cách tổ chức lao động và bố trí nơi làm việc hợp lý.

### 5. Nội dung của môn học

#### 5.1. Chương trình khung

| STT | MÔN HỌC/ MÔ ĐUN | Thời gian học tập |
|-----|-----------------|-------------------|
|-----|-----------------|-------------------|

|             |                                           | Số<br>tín<br>chỉ | Tổng<br>cộng | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực<br>tập/ bài<br>tập/<br>thảo<br>luận | Kiểm<br>tra |
|-------------|-------------------------------------------|------------------|--------------|--------------|-----------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I.</b>   | <b>Các môn chung</b>                      | <b>21</b>        | <b>435</b>   | <b>172</b>   | <b>240</b>                                                | <b>23</b>   |
| MH01        | Giáo dục chính trị                        | 4                | 75           | 41           | 29                                                        | 5           |
| MH02        | Pháp luật                                 | 2                | 30           | 18           | 10                                                        | 2           |
| MH03        | Giáo dục thể chất                         | 2                | 60           | 5            | 51                                                        | 4           |
| MH04        | Giáo dục Quốc phòng và An ninh            | 4                | 75           | 36           | 35                                                        | 4           |
| MH05        | Tin học                                   | 3                | 75           | 15           | 58                                                        | 2           |
| MH06        | Tiếng Anh                                 | 6                | 120          | 57           | 57                                                        | 6           |
| <b>II.</b>  | <b>Các môn/mô đun cơ sở</b>               | <b>21</b>        | <b>390</b>   | <b>192</b>   | <b>169</b>                                                | <b>29</b>   |
| MH07        | An toàn lao động                          | 1                | 15           | 13           |                                                           | 2           |
| MH08        | Tổ chức sản xuất                          | 1                | 15           | 13           |                                                           | 2           |
| MH09        | Vẽ kỹ thuật                               | 2                | 45           | 13           | 30                                                        | 2           |
| MH10        | Dung sai lắp ghép và Đo lường kỹ thuật    | 2                | 30           | 27           |                                                           | 3           |
| MH11        | Vật liệu cơ khí                           | 2                | 30           | 27           |                                                           | 3           |
| MH12        | AutoCad                                   | 2                | 45           | 15           | 27                                                        | 3           |
| MH13        | Cơ kỹ thuật                               | 2                | 30           | 27           |                                                           | 3           |
| MH14        | Kỹ thuật điện - Điện tử                   | 2                | 45           | 15           | 26                                                        | 4           |
| MH15        | Tiếng anh chuyên ngành                    | 3                | 45           | 42           |                                                           | 3           |
| MĐ01        | Nguội cơ bản                              | 2                | 45           |              | 43                                                        | 2           |
| MĐ02        | Hàn cơ bản                                | 2                | 45           |              | 43                                                        | 2           |
| <b>III.</b> | <b>Các môn học/mô đun chuyên môn nghề</b> | <b>69</b>        | <b>1500</b>  | <b>480</b>   | <b>889</b>                                                | <b>131</b>  |
| MH16        | Nguyên lý động cơ đốt trong               | 2                | 30           | 27           |                                                           | 3           |

|      |                                                                 |   |     |    |    |    |
|------|-----------------------------------------------------------------|---|-----|----|----|----|
| MĐ03 | Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa                    | 2 | 45  | 15 | 25 | 5  |
| MĐ04 | Bảo dưỡng - Sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền           | 4 | 105 | 15 | 80 | 10 |
| MĐ05 | Bảo dưỡng - Sửa chữa cơ cấu phân phối khí                       | 3 | 60  | 15 | 41 | 4  |
| MĐ06 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống bôi trơn và làm mát               | 2 | 45  | 15 | 25 | 5  |
| MĐ07 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng BCHK | 3 | 60  | 15 | 39 | 6  |
| MĐ08 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel         | 3 | 75  | 15 | 54 | 6  |
| MĐ09 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống lái                               | 2 | 45  | 15 | 25 | 5  |
| MĐ10 | Bảo dưỡng - Sửa chữa trang bị điện ô tô                         | 6 | 135 | 45 | 80 | 10 |
| MĐ11 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống phanh                             | 3 | 60  | 15 | 39 | 6  |
| MĐ12 | Kỹ thuật lái xe                                                 | 3 | 60  | 15 | 39 | 6  |
| MĐ13 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống truyền lực                        | 5 | 105 | 30 | 67 | 8  |
| MĐ14 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống di chuyển                         | 2 | 45  | 15 | 25 | 5  |
| MH17 | Lý thuyết ô tô                                                  | 2 | 30  | 27 |    | 3  |
| MĐ15 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử                 | 4 | 90  | 30 | 52 | 8  |
| MĐ16 | Bảo dưỡng - Sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử              | 3 | 75  | 15 | 54 | 6  |
| MĐ17 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hệ thống điều khiển bằng khí nén           | 3 | 75  | 15 | 54 | 6  |
| MĐ18 | Bảo dưỡng - Sửa chữa Hệ thống phanh ABS                         | 3 | 75  | 15 | 54 | 6  |
| MĐ19 | Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô                              | 5 | 120 | 30 | 82 | 8  |
| MĐ20 | Bảo dưỡng - Sửa chữa hộp số tự động                             | 3 | 75  | 15 | 54 | 6  |
| MH18 | Nhiệt kỹ thuật                                                  | 2 | 30  | 27 |    | 3  |

|                          |                                                          |            |             |            |             |            |
|--------------------------|----------------------------------------------------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|
| MH19                     | Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng                    | 2          | 30          | 27         |             | 3          |
| MH20                     | Công nghệ chế tạo phụ tùng và phục hồi chi tiết          | 2          | 30          | 27         |             | 3          |
| <b>IV.</b>               | <b>Thực tập sản xuất/ Thực tập xí nghiệp/ Chuyên đề.</b> | <b>9</b>   | <b>375</b>  | <b>95</b>  | <b>265</b>  | <b>15</b>  |
| MĐ21                     | Thực tập xí nghiệp                                       | 7          | 315         | 65         | 245         | 5          |
| MĐ22                     | Chuyên đề Hệ thống lái điện tử                           | 1          | 30          | 15         | 10          | 5          |
| MĐ23                     | Chuyên đề Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô        | 1          | 30          | 15         | 10          | 5          |
| <b>Tổng số giờ chuẩn</b> |                                                          | <b>120</b> | <b>2700</b> | <b>939</b> | <b>1563</b> | <b>198</b> |

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

| Số TT | Tên các bài trong mô đun                                            | Thời gian |           |                    |          |
|-------|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|----------|
|       |                                                                     | Tổng số   | Lý thuyết | Thực hành, bài tập | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: Luật giao thông đường bộ                                     | 4         | 2         | 2                  |          |
| 2     | Bài 2: Công tác kiểm tra xe an toàn                                 | 4         | 1         | 3                  |          |
| 3     | Bài 3: Thao tác tay lái và tay số                                   | 4         | 1         | 3                  |          |
| 4     | Bài 4: Thao tác điều khiển ly hợp, chân ga, chân phanh và phanh tay | 4         | 1         | 3                  |          |
| 5     | Bài 5: Thực hành lái xe đi thẳng                                    | 20        | 4         | 15                 | 1        |
| 6     | Bài 6: Thực hành lái xe rẽ và quay đầu                              | 12        | 3         | 8                  | 1        |
| 7     | Bài 7: Thực hành lái xe đi lùi                                      | 8         | 3         | 5                  |          |
| 8     | Kiểm tra kết thúc mô đun                                            | 4         |           |                    | 4        |
|       | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    | <b>60</b> | <b>15</b> | <b>39</b>          | <b>6</b> |

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

**6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành:** Phòng máy tính.

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Phòng máy vi tính, bảng, phấn, tô vít.

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

## **7. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **7.1. Nội dung:**

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### **7.2. Phương pháp:**

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### **7.2.1. Cách đánh giá**

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

| <b>Điểm đánh giá</b>                   | <b>Trọng số</b> |
|----------------------------------------|-----------------|
| + Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1) | 40%             |
| + Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)      |                 |
| + Điểm thi kết thúc môn học            | 60%             |

#### **7.2.2. Phương pháp đánh giá**

| <b>Phương pháp đánh giá</b> | <b>Phương pháp tổ chức</b> | <b>Hình thức kiểm tra</b>           | <b>Chuẩn đầu ra đánh giá</b>         | <b>Số cột</b> | <b>Thời điểm kiểm tra</b> |
|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---------------------------|
| Thường xuyên                | Viết/<br>Thuyết trình      | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A1, A2, A3,<br>B1, B2, B3,<br>C1, C2 | 1             | Sau 16 giờ.               |
| Định kỳ                     | Thực hành                  | Thực hành                           | A4, B4, C3                           | 2             | Sau 48 giờ                |